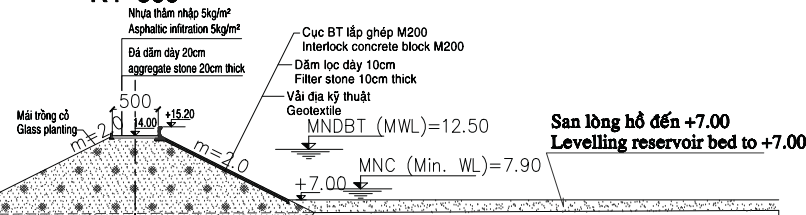


K4+500

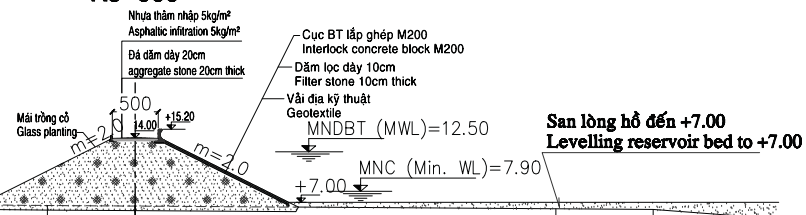
Đắp - Area of fillsoil = 199.66 m²
L trồng cỏ - Planting glass = 18.71 m



Cao độ tự nhiên	6.33	5.50		5.29	5.29	5.40		5.29		5.87
Khoảng cách mìa	2.88		23.00		6.96	11.76		25.40		70.00
Cao độ thiết kế	6.33	5.50		5.29	5.29	5.40		5.29		5.87
Kh/c là thiết kế	2.88		23.00		6.96	11.76		25.40		70.00

K5+000

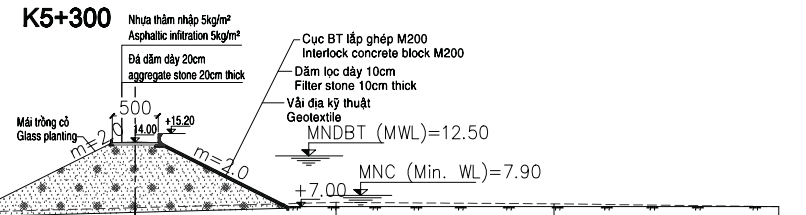
Đắp - Area of fillsoil = 158.20 m²
L trồng cỏ - Planting glass = 15.80 m



Cao độ tự nhiên	6.41		6.42		6.83		6.05	6.59		6.29	6.22	5.34	5.29
Khoảng cách mìa		22.22		21.29		16.93	9.56		45.75		10.67	11.70	1.97
Cao độ thiết kế	6.41		6.42		6.83		6.05	6.59		6.29	6.22	5.34	5.29
Kh/c là thiết kế		22.22		21.29		16.93	9.56		45.75		10.67	11.70	1.97

K5+300

Đắp - Area of fillsoil = 148.83 m²
L trồng cỏ - Planting glass = 16.54 m

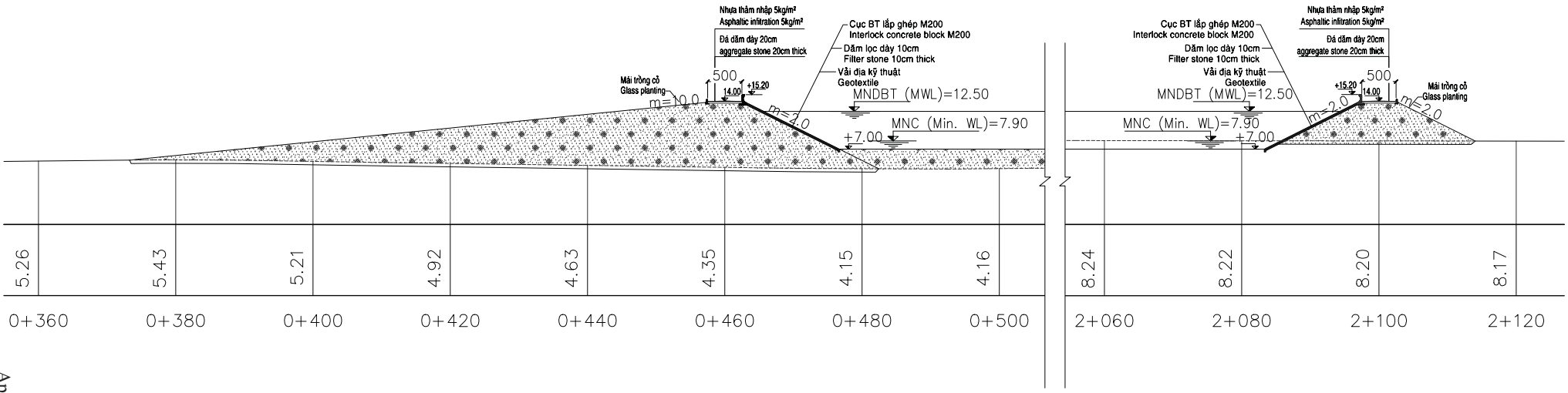


Cao độ tự nhiên	6.52	5.35	5.41		6.87		7.45		7.29		6.98
Khoảng cách mìa	5.23	10.06			54.71		21.85		23.71		24.44
Cao độ thiết kế	6.52	5.35	5.41		6.87		7.45		7.29		6.98
Kh/c là thiết kế	5.23	10.06			54.71		21.85		23.71		24.44

TITLE :		
RESERVOIR SECTION OF DAM (4)		
PHU QUOC Water Supply and Sewerage System Development Preparatory Survey	Scale : 1:600	No : R-5

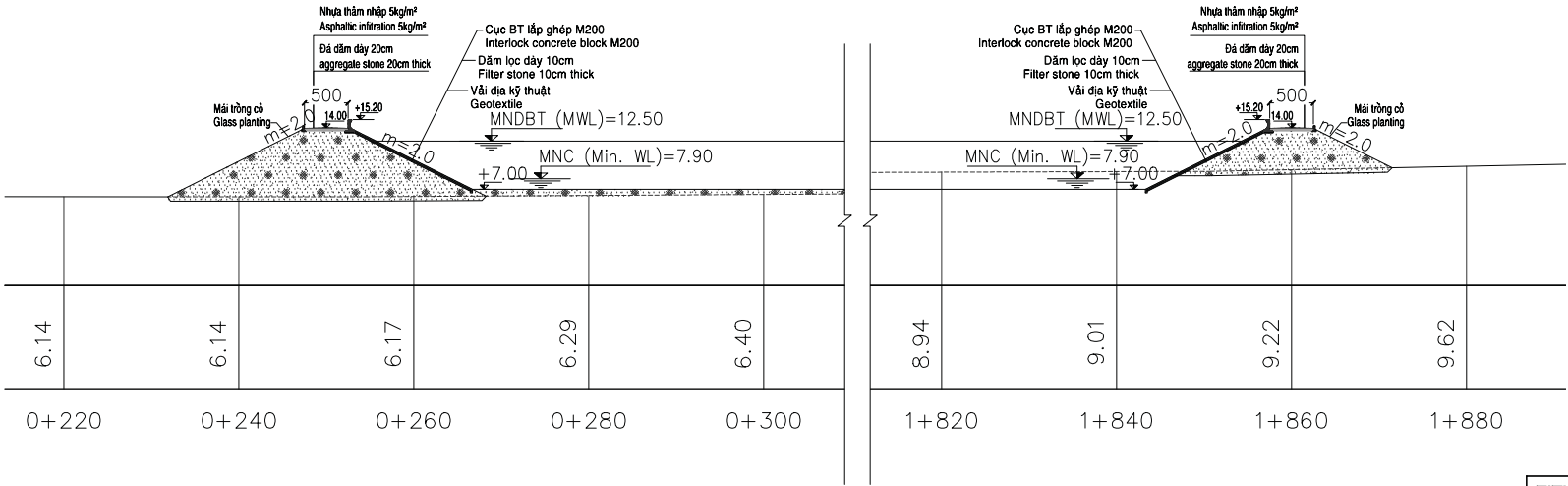
MẶT CẮT A-A (1/600)

SECTION A-A (1/600)



MẶT CẮT B-B (1/600)

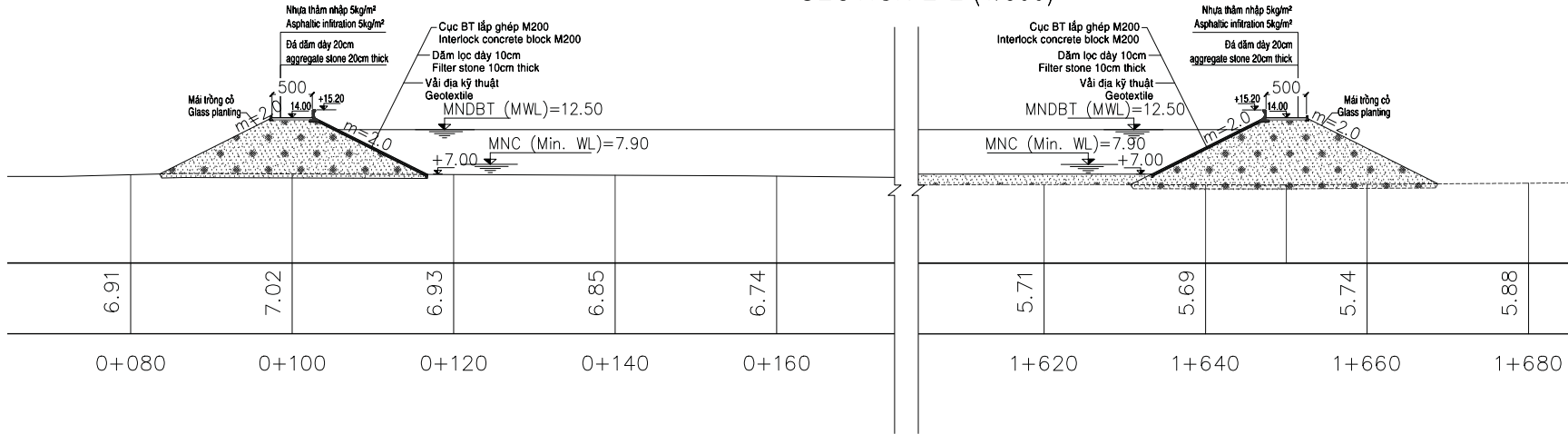
SECTION B-B (1/600)



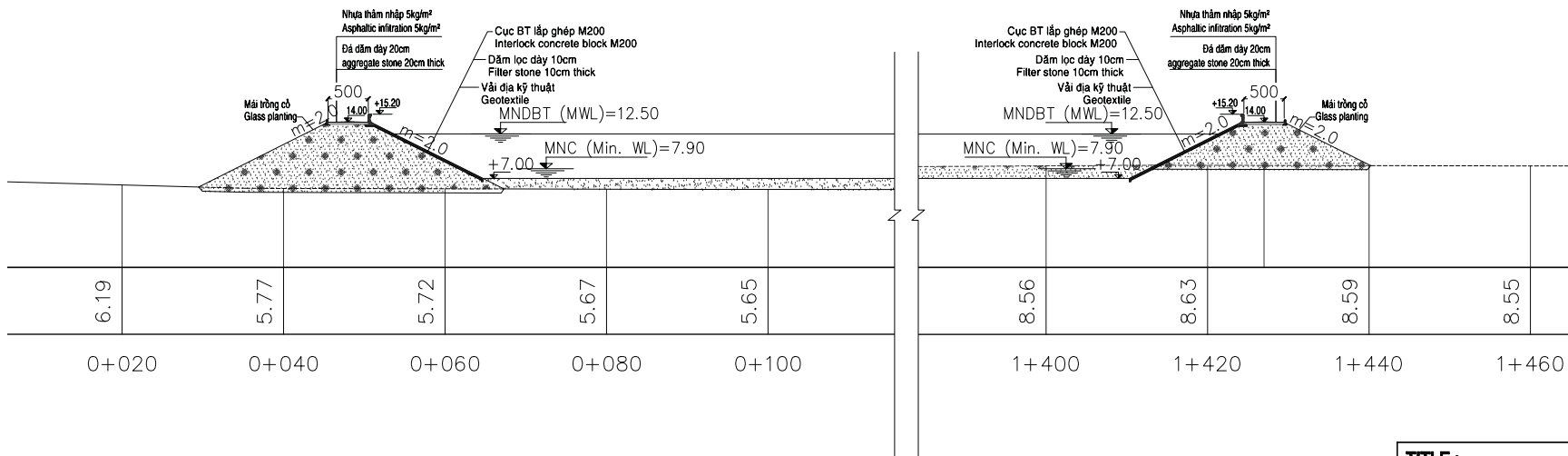
App 6 - 79

TITLE :		
SECTION OF RESERVOIR (1)		
PHU QUOC Water Supply and Sewerage System Development Preparatory Survey	Scale : 1:800	No : R-6

MẶT CẮT E-E (1/600)
SECTION E-E (1/600)



MẶT CẮT F-F (1/600)
SECTION F-F (1/600)



TITLE : SECTION OF RESERVOIR (2)		
PHU QUOC Water Supply and Sewerage System Development Preparatory Survey	Scale : 1:600	No : R-7

MẶT BẰNG CỐNG - TL: 1/600
PLAN OF SLUICE - SCALE: 1/600

